

Số: 14/2023/NQ-HĐND

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát,
hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 16**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 80/TTr-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy định mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Các nội dung khác liên quan đến công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người có chức năng, nhiệm vụ giúp cơ quan, người có thẩm quyền kiểm tra văn bản quy định tại Điều 111, Điều 114, Điều 128 và giúp cơ quan, người có trách nhiệm thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 139 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 ngày 12 năm 2020 của Chính phủ) được ngân sách nhà nước cấp kinh phí bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết này gồm:

a) Sở Tư pháp;

b) Phòng Tư pháp các huyện, thị xã, thành phố;

c) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác có nhiệm vụ giúp cơ quan, người có trách nhiệm rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật quy định tại Điều 139 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, người được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo chỉ đạo, yêu cầu, kế hoạch.

Điều 2. Mức chi bảo đảm cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật

1. Đối với các khoản chi để tổ chức các cuộc họp, hội nghị, hội thảo, tọa đàm, sơ kết, tổng kết; các khoản chi công tác phí cho những người đi công tác trong nước (bao gồm cả cộng tác viên, thành viên tham gia các đoàn kiểm tra văn bản và đoàn kiểm tra công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật) được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 46/2017/NQ-HĐND ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị của tỉnh Quảng Ngãi.

2. Đối với các khoản chi cho việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật và đội ngũ cộng tác viên được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Đối với các khoản chi tổ chức hội thi theo ngành, lĩnh vực, địa phương về công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 21/2014/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

4. Đối với các khoản chi điều tra, khảo sát thực tế phục vụ công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Áp dụng mức chi tối đa theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng Điều tra thống kê quốc gia và Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 3 và Mẫu số 01 kèm theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc Điều tra thống kê, Tổng điều tra thống kê quốc gia.

5. Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

6. Chi hợp đồng có thời hạn với cộng tác viên kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo hợp đồng giữa các bên và quy định của Bộ luật Dân sự về hợp đồng.

7. Đối với các khoản chi báo cáo về rà soát các văn bản có liên quan đến dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC.

8. Một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 31 tháng 7 năm 2023.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 04/2012/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2012 của HĐND tỉnh quy định mức chi cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TTTU, TTHĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh: C-PVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, PC⁽²⁾.T₁₈₀.

CHỦ TỊCH

Bùi Thị Quỳnh Vân

PHỤ LỤC

Một số mức chi có tính chất đặc thù trong công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật
(Kèm theo Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi)

Đơn vị tính: đồng

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
1	Chi cho các thành viên tham gia họp, hội thảo, tọa đàm để trao đổi nghiệp vụ kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản; họp xử lý kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản theo yêu cầu, kế hoạch; họp bàn về kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
a	Chủ trì cuộc họp	Người /buổi	150.000	150.000	150.000	
b	Các thành viên tham dự	Người /buổi	100.000	100.000	100.000	
2	Chi lấy ý kiến chuyên gia	01 văn bản	1.500.000	1.200.000		Văn bản được xin ý kiến
3	Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
a	Báo cáo kết quả kiểm tra, xử lý và rà soát văn bản theo chuyên đề, địa bàn, ngành, lĩnh vực; báo cáo kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ (05 năm); báo cáo kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; báo cáo định kỳ hằng năm hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
-	Báo cáo của Ủy ban nhân dân	01 báo cáo	7.000.000	2.500.000	1.200.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
-	Báo cáo của các sở, ban, ngành tỉnh; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập	01 báo cáo	3.000.000			
-	Báo cáo của các phòng, ban, ngành cấp huyện; báo cáo kết quả của Đoàn kiểm tra liên ngành do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định thành lập	01 báo cáo		1.500.000		
b	Báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp	01 báo cáo	400.000	300.000	200.000	
4	Chi chỉnh lý các loại dự thảo báo cáo (trừ báo cáo đánh giá về văn bản trái pháp luật, mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp)	01 lần chỉnh lý	900.000	600.000	400.000	
5	Chi công bố kết quả xử lý văn bản trái pháp luật, kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên các phương tiện thông tin đại chúng	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp				
6	Chi kiểm tra văn bản theo quy định tại khoản 2 Điều 106 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP					
a	Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật.	01 văn bản	250.000	200.000		
b	Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật	01 văn bản	500.000	400.000		
7	Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo quyết định của Ủy ban thường vụ Quốc hội.	01 văn bản	200.000	150.000	100.000	

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
8	Chi thù lao cộng tác viên kiểm tra văn bản					
a	Mức chi chung	01 văn bản	300.000	200.000		
b	Đối với văn bản thuộc chuyên ngành, lĩnh vực chuyên môn phức tạp	01 văn bản	600.000	500.000		
9	Chi thù lao cộng tác viên rà soát, hệ thống hóa văn bản	01 văn bản	250.000	200.000	150.000	
10	Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 169 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	01 văn bản	150.000	120.000		
11	Chi xây dựng hệ cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
a	Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	01 văn bản	150.000	120.000	90.000	
b	Chi tổ chức thu thập, phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, văn bản, trang bị sách, báo, tạp chí... phục vụ xây dựng cơ sở dữ liệu kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật					
-	Đối với việc thu thập những thông tin, tư liệu, tài liệu, dữ liệu, sách báo, tạp chí	01 tài liệu (01 văn bản)	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp			

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi			Ghi chú
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã	
-	Đối với việc phân loại, xử lý thông tin, tư liệu, tài liệu, văn bản mà không có mức giá xác định sẵn	01 tài liệu (01 văn bản)	70.000	60.000	50.000	Khoản chi này không áp dụng đối với việc thu thập các văn bản quy phạm pháp luật đã được cập nhật trong các hệ cơ sở dữ liệu điện tử của cơ quan, đơn vị hoặc đăng trên Công báo
12	Chi cho các hoạt động in ấn, chuẩn bị tài liệu, thu thập các văn bản thuộc đối tượng kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	Mức chi được thực hiện theo chứng từ chi hợp pháp				
13	Đối với các khoản chi khác: Làm đêm, làm thêm giờ, chi văn phòng phẩm...	Căn cứ vào hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp theo quy định hiện hành và được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự toán trước khi thực hiện làm căn cứ quyết toán kinh phí.				